

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **26/2022/DS-ST**

Ngày: 23 - 3 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Tăng Thị Bạch Vân.

Ông Trần Minh Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Luyến - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Đặng Xuân Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2021/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng góp hội, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa dân sự sơ thẩm vụ án số: 27/2022/QĐST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông T. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

1.2. Bà L. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. *(có mặt)*

2. Bị đơn:

2.1. Bà D. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

2.2. Ông P. Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. *(vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/12/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn ông T và bà L trình bày: Ông T và bà L có tham gia 02 dây hội do bà D và ông P làm chủ hội, cụ thể như sau:*

Dây 1: Hội 5.000.000đồng, mở ngày 20/8/2014, 03 tháng mở 01 lần, có 22 phần, ông T và bà L tham gia 01 phần; từ ngày 20/8/2014 đến tháng 7/2021 ông T và bà L đóng được 21 lần theo thỏa thuận, ông T và bà L là người hốt cuối cùng

theo quy định được lãnh 5.000.000đồng x 21 người - 2.500.000đồng (số tiền hội viên khi hốt hội phải đóng cho chủ hội) = 102.500.000đồng, nhưng bà D và ông P không giao tiền hội cho ông T và bà L trong khi đã gom tiền hội của các hội viên khác.

Dây 2: Hội 5.000.000đồng, mở ngày 29/7/2018, 03 tháng mở 01 lần, có 21 phần, ông T và bà L tham gia 01 phần; ông T và bà L đóng được 09 lần đến ngày 29/7/2021 thì bà D và ông P ngưng mở hội cho đến nay, nhưng bà D và ông P không trả lại số tiền hội mà ông T và bà L đã đóng là 21.319.000đồng.

Tổng cộng 02 dây hội bà D và ông P còn nợ ông T và bà L là 123.819.000đồng, ông T và bà L đã nhiều lần yêu cầu bà D và ông P trả số tiền này nhưng bà D và ông P không muốn trả.

Nay ông T và bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và ông P cùng có nghĩa vụ trả cho ông T và bà L số tiền nợ hội là 123.819.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

** Các bị đơn bà D và ông P:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã cấp, tổng đạt, thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà D và ông P nhưng bà D và ông P không có mặt tham gia tố tụng theo các giấy triệu tập của Tòa án và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T và bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và ông P cùng có nghĩa vụ trả cho ông T và bà L số tiền nợ hội là 123.100.000đồng theo sự thừa nhận của bà D tại Biên bản hòa giải ngày 15/01/2022, không yêu cầu tính lãi; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án trong giai đoạn xét xử sơ thẩm, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà L, giải quyết buộc bà D và ông P cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T và bà L số tiền nợ hội là 123.100.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, theo phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng, người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo nội dung yêu cầu khởi kiện, ông T và bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và ông P cùng có nghĩa vụ trả cho ông T và bà L số tiền nợ hội; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật

tranh chấp hợp đồng góp hui là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các bị đơn bà D và ông P có địa chỉ cư trú tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; TAND huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, các bị đơn bà D và ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do và không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử; Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[4] Theo đơn khởi kiện ban đầu, ông T và bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và ông P cùng có nghĩa vụ trả cho ông T và bà L số tiền nợ hui là 123.819.000đồng, không yêu cầu tính lãi; tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm ông T và bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, theo đó yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D và ông P cùng có nghĩa vụ trả cho ông T và bà L số tiền nợ hui là 123.100.000đồng theo sự thừa nhận của bà D tại Biên bản hòa giải ngày 15/01/2022, không yêu cầu tính lãi. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này của ông T và bà L là không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông T và bà L cho rằng bà D làm chủ hui, ông T và bà L là hui viên có tham gia chơi hui ở 02 dây hui và hiện nay bà D còn nợ ông T và bà L tiền hui với tổng số tiền là 123.819.000đồng, cụ thể: **Dây hui thứ nhất** 5.000.000đồng, mở ngày 20/8/2014, 03 tháng mở 01 lần, có 22 phần, ông T và bà L tham gia 01 phần, đã đóng được 21 lần theo thỏa thuận và là người hót cuối cùng theo quy định được lãnh 102.500.000đồng, nhưng bà D không giao tiền hui cho ông T và bà L trong khi đã gom tiền hui của các hui viên khác; **Dây hui thứ hai** 5.000.000đồng, mở ngày 29/7/2018, 03 tháng mở 01 lần, có 21 phần, ông T và bà L tham gia 01 phần, đã đóng được 09 lần đến ngày 29/7/2021 thì bà D ngưng mở hui cho đến nay, nhưng bà D cũng không trả lại số tiền hui mà ông T và bà L đã đóng là 21.319.000đồng. Tại Biên bản hòa giải ngày 15/01/2022 tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng có sự tham gia của ông T và bà D (Bút lục số 25, 26), bà D thừa nhận hiện nay còn nợ tiền hui của ông T và bà L ở 02 dây hui với tổng số tiền là 123.100.000đồng như trên là đúng sự thật, bà D cũng đồng ý trả nợ cho ông T và bà L nhưng xin được trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000đồng, nếu có dư sẽ trả thêm cho đến khi nào hết nợ. Sự thừa nhận của bà D nêu trên là các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ đó, Hội đồng xét xử xác định việc bà D có nợ của ông T và bà L số tiền hui là 123.100.000đồng là sự thật. Do bà D đã vi phạm thỏa thuận về góp hui, vi phạm nghĩa vụ của chủ hui trong việc giao tiền hui cho hui viên, nên việc ông T và bà L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà D phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ hui là phù hợp theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 29 Nghị

[6] Về trách nhiệm trả nợ: Việc bà D tổ chức chơi hội, làm chủ hội diễn ra trong thời gian bà D và ông P là vợ chồng, cùng sống chung một nhà và diễn ra công khai tại ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, việc khui, hốt hội được tiến hành ngay tại nhà của bà D và ông P thì xác định là ông P đã biết và đồng thuận; mục đích bà D tổ chức chơi hội, làm chủ hội không ngoài mục đích gì khác là nhằm tạo ra thu nhập để phục vụ cho các nhu cầu sinh hoạt chung trong gia đình; vấn đề này cũng được đại diện Ban nhân dân ấp A xác nhận tại Biên bản xác minh ngày 11/02/2022 (Bút lục số 48, 49). Do đó, ông P phải có nghĩa vụ liên đới cùng với bà D trả số tiền nợ hội cho ông T và bà L, theo quy định tại các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[8] Tại Biên bản hòa giải ngày 15/01/2022, ông T yêu cầu bà D và ông P trả số tiền nợ hụi theo phương thức trả trước số tiền khoảng 50.000.000đồng đến 70.000.000đồng, số tiền còn lại mới đồng ý cho bà D và ông P trả dần mỗi vụ lúa cho đến khi nào hết nợ; còn bà D yêu cầu được trả số tiền nợ hụi theo phương thức trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000đồng, nếu có dư sẽ trả thêm cho đến khi nào hết nợ. Xét thấy, các yêu cầu này của ông T và bà D thì Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét, vì việc trả số tiền nợ hụi theo phương thức nào (một lần, nhiều lần hay hàng tháng) là thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau tại giai đoạn thi hành án.

[10] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

4

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 244, Điều 266, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; các Điều 288, 357, 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 27, 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 29 Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường; khoản 1 Điều 27 Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về hộ, hội, biểu, phường.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T và bà L về việc yêu cầu bà D và ông P trả số tiền nợ hội.

Buộc bà D và ông P phải cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông T và bà L số tiền nợ hội là 123.100.000đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu một trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông T và bà L đối với số tiền phải trả nêu trên cho đến khi thi hành xong, hàng tháng bà D và ông P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông T và bà L không phải chịu án phí sơ thẩm. Bà D và ông P phải cùng chịu án phí sơ thẩm với số tiền là 6.155.000đồng (*Sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Ông T và bà L có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại vụ án theo trình tự phúc thẩm. Riêng đối với bà D và ông P không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo nêu trên được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự (04);
- VKSND huyện Kế Sách (01);
- Chi cục THADS huyện Kế Sách (01);
- TAND tỉnh Sóc Trăng (01);
- Lưu HSVA, Văn phòng (02).

Nguyễn Quốc Việt